

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Số: 2872/QĐ-XHNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Trung Quốc học, mã số chuyên ngành: 9310608.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Trung Quốc học ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia

Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Đông phương học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

MÃ SỐ : 9310608.01

CHUYÊN NGÀNH: TRUNG QUỐC HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2872/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Trung Quốc học

+ Tên tiếng Anh: Chinese Studies

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Đông phương học

+ Tên tiếng Anh: Oriental Studies

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9310608.01

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Đông phương học

+ Tên tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Oriental Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ở trình độ chuyên gia về Trung Quốc học với kiến thức chuyên sâu và toàn diện, tư duy và phương pháp tiếp cận liên ngành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng quản trị các chương trình, dự án liên quan đến Trung Quốc, tư duy phản biện, khả năng sáng tạo tri thức mới, năng lực thiết kế, tham mưu, tư vấn và tổ chức các hoạt động hợp tác với Trung Quốc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo những chuyên gia về Trung Quốc học có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về Trung Quốc và có khả năng tạo ra những tri thức mới cho lĩnh vực Trung Quốc học.

- Đào tạo những chuyên gia về Trung Quốc học có khả năng vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là phương pháp liên ngành để nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu những vấn đề khoa học thuộc phạm vi Trung Quốc học, bao gồm những vấn đề lịch sử và hiện đại, những vấn đề của Trung Quốc trong mối tương quan với các quốc gia trong khu vực...

- Đào tạo những chuyên gia về Trung Quốc học có khả năng kết nối các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân trong lĩnh vực Trung Quốc học để triển khai các đề tài, dự án, chương trình hợp tác nghiên cứu có liên quan đến Trung Quốc, từ đó thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam-Trung Quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng, ngành học, xếp loại tốt nghiệp

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và cần có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến Trung Quốc. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

+ Có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy các ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

+ Có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các trường hợp khác (nếu có).

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định của đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo: tiếng Trung Quốc tương đương trình độ bậc 4/6 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam). Năng lực ngoại ngữ cần được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho

người học toàn thời gian bằng tiếng Trung Quốc;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Trung Quốc, sư phạm tiếng Trung Quốc do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung Quốc HSK bậc 4 trở lên và HSKK trung cấp trở lên trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt, và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ (tiếng Trung Quốc), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo

3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành/ chuyên ngành phù hợp:

- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 1: Đông phương học; Ngôn ngữ Trung Quốc; Sư phạm Tiếng Trung Quốc; Châu Á học; Quốc tế học; Trung Quốc học;

- Ngành/chuyên ngành phù hợp 2:

+ Ngành trong nhóm ngành: Du lịch;

+ Ngành: Văn học nước ngoài; Kinh tế quốc tế; Chính trị học; Quan hệ quốc tế; Lịch sử thế giới; Tôn giáo học; Hán Nôm; Ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học; Thí sinh có bằng thạc sĩ tại Trung Quốc những ngành còn lại.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức đối với ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Phương pháp luận nghiên cứu châu Á	3
2	Chính trị và quan hệ quốc tế ở châu Á	3
3	Các vấn đề xã hội ở châu Á	3
Tổng		9

3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 ncs/1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu mang tính lí luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và/hoặc thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành Trung Quốc học.

- Đề tài luận án tiến sĩ ngành Đông phương học chuyên ngành Trung Quốc học là một vấn đề khoa học cơ bản, khoa học liên ngành, vấn đề nghiên cứu so sánh, tư vấn chính sách, tư vấn quản lý cấp vĩ mô đang đặt ra với ngành Đông phương học chuyên ngành Trung Quốc học hoặc thực tiễn xã hội, cần giải quyết một cách sáng tạo, có lý luận, có tính ứng dụng cao, đòi hỏi những tri thức hoặc giải pháp mới có giá trị đột phá trong việc kiến nghị chính sách cho Chính phủ, cho địa phương hoặc cho doanh nghiệp, đề xuất mô hình phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam, xây dựng củng cố khung lý luận, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian học và chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ

Times New Roman, cỡ chữ 13, có độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1. Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

PLO2. Vận dụng được những kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến,

các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực châu Á học.

PLO3. Thiết lập những kiến thức mới, tiên tiến, chuyên sâu cho lĩnh vực Trung Quốc học.

PLO4. Hệ thống hoá và phân tích những kiến thức cốt lõi, nền tảng của lĩnh vực Trung Quốc học.

PLO5. Thiết kế hoạt động nghiên cứu về Trung Quốc học dựa trên kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và kiến thức về quản trị tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO6. Làm chủ các lý thuyết, phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu Trung Quốc học.

PLO7. Tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức mới cho lĩnh vực Trung Quốc học.

PLO8. Suy luận, phân tích các vấn đề về Trung Quốc học và đưa ra những hướng xử lý sáng tạo, độc đáo.

PLO9. Quản lý, điều hành triển khai các đề tài dự án, chương trình nghiên cứu về Trung Quốc học.

PLO10. Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế các vấn đề về Trung Quốc học, phổ biến các kết quả nghiên cứu về Trung Quốc học.

5. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11. Nghiên cứu, sáng tạo các tri thức mới về Trung Quốc học.

PLO12. Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới về Trung Quốc học trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

PLO13. Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong lĩnh vực Trung Quốc học.

PLO14. Đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Trung Quốc học.

PLO15. Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới trong lĩnh vực Trung Quốc học.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ ngành Đông phương học, chuyên ngành Trung Quốc học công tác trong các cơ quan và tổ chức như sau:

- Làm nghiên cứu và chuyên gia trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu về Trung Quốc như Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới...;

- Làm giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên tại các trường đại học và cao đẳng có giảng dạy về Trung Quốc;

- Làm chuyên viên tại Bộ Ngoại giao hoặc tại các vụ, cục hợp tác quốc tế của các bộ (như Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ,...);

- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, các trung tâm, dự án phát triển;

- Làm việc tại các cơ quan thông tấn báo chí, các tổ chức kinh tế...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu của các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài để phát huy những kiến thức chuyên môn đã được trang bị, cung cấp trong quá trình học.

- Triển khai, ứng dụng những kết quả nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu thực tế.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	100 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	12 tín chỉ
+ Bắt buộc:	6 tín chỉ
+ Tự chọn:	6/12 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	8 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	6 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	2 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT</i>)	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (<i>không tính số tín chỉ nhưng là yêu</i>	

câu bắt buộc trong CTĐT)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ

Tổng số TC phải tích lũy: **131** TC, trong đó:

- Các học phần bổ sung: **31** tín chỉ

+ Bắt buộc: 10 tín chỉ

+ Tự chọn: 21/45 tín chỉ

- Các học phần tiến sĩ: **12** tín chỉ

+ Bắt buộc: 6 tín chỉ

+ Tự chọn: 6/12 tín chỉ

- Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH: **8** tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

+ Nghiên cứu khoa học (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT*)

- Luận án tiến sĩ: **80** tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Các học phần tiến sĩ		12				
I.1	Các học phần bắt buộc		6				
1	ORS8002	Phương pháp nghiên cứu liên ngành Trung Quốc học <i>Interdisciplinary research methods in Chinese Studies</i>	3	45	0	105	
2	ORS8031	Con đường hiện đại hoá của Trung Quốc <i>The modernization of China</i>	3	45	0	105	
I.2	Các học phần tự chọn		6/12				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
3	ORS8039	Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: Các vấn đề lịch sử và hiện tại <i>Vietnam-China's Relations - Historical and Current Issues</i>	3	45	0	105	
4	ORS8033	Văn hoá - xã hội Trung Quốc trong tương quan so sánh với khu vực <i>Chinese Culture and Society in Comparison with Some Other Countries in the Area</i>	3	45	0	105	
5	ORS8034	Những vấn đề kinh tế - chính trị Trung Quốc <i>Chinese Economic - Political Issues</i>	3	45	0	105	
6	ORS8035	Những vấn đề triết học, văn học và ngôn ngữ Trung Quốc <i>Some Issues of Chinese Philosophy, Literature and Language</i>	3	45	0	105	
II	Các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				
7	ORS8036	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
8	ORS8037	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
9	ORS8038	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
10	ORS8005	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng (bậc đại học và thạc sĩ) và hỗ trợ đào tạo (hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn niên luận, khóa luận, nghiên cứu khoa học); trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. Tham gia các buổi Seminar khoa học, các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức.						
IV	Luận án		80				
11	ORS9004	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			100				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		31				
I.1	Các học phần bắt buộc		10				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	ORS6053	Phương pháp luận nghiên cứu châu Á <i>Research Methodology on Asian Studies</i>	3	45	0	105	
3	ORS6054	Lịch sử phát triển của các quốc gia châu Á <i>History of Asian Developments</i>	3	45	0	105	
I.2	Các học phần tự chọn		21/45				
4	ORS6055	Tôn giáo và tín ngưỡng ở châu Á <i>Religions and Beliefs in Asia</i>	3	45	0	105	
5	ORS6056	Phát triển kinh tế ở châu Á: Lý thuyết và thực tiễn <i>Economic Development in Asia: Theory and Practice</i>	3	45	0	105	
6	ORS6057	Các vấn đề văn hóa – văn minh châu Á <i>Issues of Asian Cultures and Civilizations</i>	3	45	0	105	
7	ORS6058	Nghiên cứu các ngôn ngữ ở châu Á: Lý luận và thực tiễn <i>Research on Languages of Asia: Theory and Practice</i>	3	45	0	105	
8	ORS6059	Văn học châu Á <i>Asian Literature</i>	3	45	0	105	
9	ORS6060	An ninh khu vực ở châu Á <i>Security in Asia</i>	3	45	0	105	
10	ORS6061	Di động xã hội ở châu Á <i>Social Mobility in Asia</i>	3	45	0	105	
11	ORS6062	Các quyển văn hóa châu Á <i>Asian Cultural Spheres</i>	3	45	0	105	
12	ORS6063	Các vấn đề về giới ở châu Á <i>Gender Issues in Asia</i>	3	45	0	105	
13	ORS6064	Chính trị và quan hệ quốc tế ở châu Á <i>Politics and International Relations in Asia</i>	3	45	0	105	
14	ORS6065	Các vấn đề xã hội ở châu Á <i>Social Issues in Asia</i>	3	45	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
15	ORS6066	Vấn đề sở hữu trí tuệ ở châu Á <i>Intellectual Property Issues in Asia</i>	3	45	0	105	
16	ORS6067	Lý thuyết và phương pháp so sánh đối chiếu liên ngôn ngữ - văn hoá <i>Theory and Methods of Cross-cultural and Cross-Linguistic Comparison</i>	3	45	0	105	
17	ORS6068	Đô thị hóa ở châu Á <i>Urbanization in Asia</i>	3	45	0	105	
18	ORS6069	Văn học dịch và quá trình hiện đại hóa văn học châu Á <i>Translated literature and the process of modernization of Asian literature</i>	3	45	0	105	
II.	Các học phần tiên sĩ		12				
II.1	Các học phần bắt buộc		6				
19	ORS8002	Phương pháp nghiên cứu liên ngành Trung Quốc học <i>Interdisciplinary research methods in Chinese Studies</i>	3	45	0	105	
20	ORS8031	Con đường hiện đại hoá của Trung Quốc <i>The modernization of China</i>	3	45	0	105	
II.2	Các học phần tự chọn		6/12				
21	ORS8039	Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: Các vấn đề lịch sử và hiện tại <i>Vietnam-China's Relations - Historical and Current Issues</i>	3	45	0	105	
22	ORS8033	Văn hoá - xã hội Trung Quốc trong tương quan so sánh với khu vực <i>Chinese Culture and Society in Comparison with Some Other Countries in the Area</i>	3	45	0	105	
23	ORS8034	Những vấn đề kinh tế - chính trị Trung Quốc <i>Chinese Economic - Political Issues</i>	3	45	0	105	
24	ORS8035	Những vấn đề triết học, văn học và ngôn ngữ Trung Quốc <i>Some Issues of Chinese Philosophy, Literature and Language</i>	3	45	0	105	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
25	ORS8036	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	0	0	100	
26	ORS8037	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	0	0	100	
27	ORS8038	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	0	0	100	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
28	ORS8005	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	0	0	100	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành theo quy định của ĐHQGHN dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng (bậc đại học và thạc sĩ) và hỗ trợ đào tạo (hướng dẫn thực hành, thực tập; hướng dẫn niên luận, khóa luận, nghiên cứu khoa học); trợ giảng các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn do đơn vị tổ chức. Tham gia các buổi Seminar khoa học, các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức.						
V	Luận án		80				
29	ORS9004	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	80	0	0	4000	
Tổng cộng			131				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá